

## THUẾ NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM KHI THỰC HIỆN CÁC CAM KẾT TRONG WTO

*Nguyễn Thường Lạng\**

**N**guồn thu thuế nhập khẩu là một bộ phận quan trọng trong ngân sách nhà nước Việt Nam. Việc Việt Nam gia nhập WTO và thực hiện hàng loạt các cam kết quốc tế về cắt giảm thuế quan và các rào cản phi thuế quan đang làm ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách của chính phủ. Vấn đề là cần làm rõ nguồn thu thuế nhập khẩu của chính phủ Việt Nam sẽ thay đổi như thế nào khi thực hiện các cam kết giảm thuế nhập khẩu của Việt Nam trong WTO với 3 kịch bản được xây dựng sau 1 năm Việt Nam gia nhập WTO.

### 1. Nguồn thu chính phủ từ thuế nhập khẩu

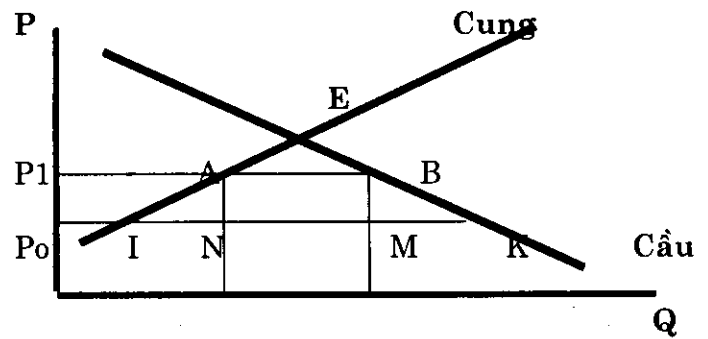
Việt Nam là một nước nhỏ trong nhập khẩu, vì vậy mức tăng hay giảm lượng nhập khẩu của Việt Nam không làm ảnh hưởng đến giá thế giới của mặt hàng nhập khẩu. Giá hàng nhập khẩu, do đó, được hình thành khách quan trên thị trường thế giới. Kim ngạch nhập khẩu phụ thuộc trực tiếp vào khối lượng nhập khẩu và giá nhập khẩu còn mức thu thuế nhập khẩu, phụ thuộc vào kim ngạch nhập khẩu và mức thuế nhập khẩu. Có thể xem tác động của thuế nhập khẩu thông qua mô hình cơ bản sau đây:

Việc đánh thuế nhập khẩu tạo nguồn lợi cho chính phủ, nhà sản xuất trong nước cũng thu được lợi ích do được bảo hộ, giảm thiểu áp lực cạnh tranh từ bên ngoài, người tiêu dùng bị thiệt hại do phải mua hàng nhập khẩu với giá cao trên thị trường trong nước và xã hội bị thiệt hại một phần do một số nguồn lực bị sử dụng lãng phí (mất không) và một phần nữa do có một khối lượng hàng hoá nhập khẩu với giá quá cao không được sử dụng. Nếu bỏ thuế nhập khẩu thì những khoản lợi ích bị giảm xuống của nhà sản xuất, chính phủ và mất trắng của xã hội sẽ rơi vào người tiêu dùng. Theo cách xem xét này, lợi ích xã hội tăng lên mặc dù lợi ích của các chủ thể có sự tăng giảm khác nhau. Đó là nguyên nhân để các nước tiến hành đàm phán và đi đến thống nhất cắt giảm thuế quan, tăng cường buôn bán và đẩy mạnh tự do hoá thương mại. Và do đó, có thể thấy, việc tham gia vào xu hướng tự do hoá thương mại làm thay đổi cơ bản lợi ích cục bộ của các chủ thể nghĩa là có thể gây ra những xáo trộn nhất định song lại tạo ra lợi ích tổng thể to lớn về lâu dài.

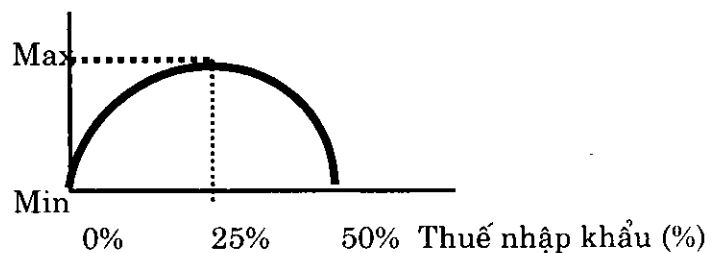
Để ước lượng khoản thu nhập của chính phủ từ thuế nhập khẩu, có thể tính toán một cách đơn giản, căn cứ vào khối lượng nhập khẩu hoặc kim ngạch nhập khẩu và mức thuế nhập khẩu trung bình theo hình vẽ trên đây.

\* Phó giáo sư, Tiến sĩ  
Trưởng Đại học Kinh tế Quốc dân

Theo hình bên, dưới góc độ phân tích cân bằng cục bộ về tác động của thuế nhập khẩu đối với một nước nhỏ, diện tích hình chữ nhật ABMN đo lường nguồn thu của chính phủ từ thuế nhập khẩu. Rõ ràng, khi mức thuế nhập khẩu bằng 0 thu nhập từ thuế nhập khẩu của chính phủ bằng 0. Điểm cần chú ý là mức thu nhập của chính phủ lớn nhất khi mức thuế nhập khẩu phù hợp chứ không phải khi chính phủ đánh thuế nhập khẩu lớn nhất. Việc đánh thuế nhập khẩu quá cao có thể dẫn đến tình trạng trốn thuế, thậm chí chấm dứt hẳn việc nhập khẩu và hạn chế rất lớn sự hội nhập của nền kinh tế quốc gia vào nền kinh tế thế giới. Do đó, cần xác định mức thuế tối ưu.



Nguồn thu thuế nhập khẩu



Một điểm cần lưu ý ở mô hình này là nhà sản xuất không bị thiệt do giảm thặng dư sản xuất và chịu sự cạnh tranh của các đối thủ nước ngoài mà họ còn hưởng lợi từ việc nhập khẩu các đầu vào giá rẻ và mở rộng thị trường ra toàn cầu. Do đó, chính mô hình cân bằng cục bộ thuế nhập khẩu đối với một nước nhỏ đã được đưa vào trong nhiều cuốn sách giáo khoa kinh tế học sử dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới chưa phản ánh hết các tác động trực tiếp này.

## 2. Việt Nam với các cam kết về giảm thuế nhập khẩu trong WTO

Việt Nam đã cam kết trong WTO tiến hành cắt giảm thuế nhập khẩu. Theo cam kết, mức thuế nhập khẩu trung bình của Việt Nam sẽ giảm từ 17,4% xuống còn 13,4% trong khoảng thời gian từ 5-7 năm. Với việc giảm thuế như vậy, nếu giả định kim ngạch nhập khẩu Việt Nam không thay đổi ở mức 60 tỷ USD/năm thì việc giảm 4% mức thuế nhập khẩu trung bình sẽ làm cho nguồn thu thuế nhập khẩu bị sụt giảm 2,4 tỷ USD tương đương với khoản sụt giảm nguồn thu ngân sách khoảng 3.8640 tỷ đồng Việt Nam. Với tính toán đơn giản có thể thấy đây là khoản sụt giảm lớn của ngân sách chính phủ khó có

thể có ngay một khoản thu nào khác bù đắp lại trong ngắn hạn.

Tuy nhiên, cần có quan điểm toàn diện và tổng thể về vấn đề này. Trước hết, việc giảm thuế nhập khẩu sẽ làm tăng khối lượng nhập khẩu và kim ngạch nhập khẩu sẽ không giữ nguyên đặc biệt đối với một quốc gia đang giai đoạn đầu công nghiệp hoá rất cần nhập khẩu nhiều máy móc, thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu để sản xuất, kể cả các hàng hoá để tiêu dùng như Việt Nam hiện nay chẳng hạn. Tác động của thuế nhập khẩu chủ yếu thể hiện ở việc làm tăng giá hàng nhập khẩu, do đó làm giảm khối lượng nhập khẩu. Tác động rào cản của thuế nhập khẩu thể hiện tập trung và trực tiếp ở việc làm "cản" hoạt

động nhập khẩu thông qua tăng giá hàng nhập khẩu, từ đó chi phối đến khối lượng cung và cầu mặt hàng nhập khẩu đó trên thị trường. Cho nên, khi giảm thuế nhập khẩu cũng có nghĩa là làm giảm tác động có tính chất “rào cản” của hàng rào thuế quan này và làm tăng khối lượng nhập khẩu. Khối lượng hàng nhập khẩu tăng lên sẽ tạo điều kiện để giảm giá hàng hoá trong nước, tăng cạnh tranh về giá giữa các nhà sản xuất, tăng phúc lợi người tiêu dùng, song chính phủ sẽ thu được tiền thuế từ việc tăng khối lượng hàng nhập khẩu. Thứ hai, việc giảm thuế nhập khẩu chắc chắn sẽ làm tăng mức thu thuế nhập khẩu nếu khối lượng nhập khẩu tăng lên quá ngưỡng bù đắp phần giảm khoản thu thuế nhập khẩu do cắt giảm thuế theo cam kết. Ở khía cạnh thứ hai này, mức thu từ thuế nhập khẩu do giảm thuế nhập khẩu chẳng những không bị giảm xuống mà còn tăng lên. Điều này đã được trường hợp gia nhập WTO của Trung Quốc chứng minh. Năm 1992, mức thuế nhập khẩu trung bình của Trung Quốc cao hơn 43% nhưng ngành thuế chỉ thu được 21,2 tỷ NDT. Năm 2005, sau 5 năm gia nhập WTO và thực hiện việc cắt giảm thuế

nhập khẩu theo cam kết, mức thuế nhập khẩu trung bình của Trung Quốc chỉ còn 10% nhưng khối lượng thuế thu được 106,6 tỷ NDT, nghĩa là mức thu này tăng lên gấp 5 lần sau 5 năm gia nhập WTO.

Với cam kết giảm thuế nhập khẩu trong WTO, mức thuế nhập khẩu trung bình của Việt Nam giảm từ 17,4% xuống còn 13,4% trong vòng 5-7 năm kể từ ngày chính thức gia nhập. Giả sử mức thuế nhập khẩu trung bình giảm đều 1%/năm. Cùng với mức giảm thuế, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam tăng lên rất lớn do yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá về máy móc thiết bị hiện đại, nguyên nhiên vật liệu và cả các dịch vụ. ở đây sẽ trình bày 3 kịch bản khác nhau với các giả định dựa trên tình hình thực tế nhập khẩu của Việt Nam thời gian qua, đặc biệt là tình hình nhập khẩu của Việt Nam sau 1 năm gia nhập WTO:

**\* Kịch bản 1: Mức giảm thuế nhập khẩu trung bình ở mức đều 1% và mức tăng kim ngạch nhập khẩu trung bình hàng năm ở mức thấp là 20%, 25%, 28% và 31%**

Chỉ tiêu	Năm				
	2007	2008	2009	2010	2011
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	60	72	90	115,2	150,12
Mức thuế nhập khẩu trung bình (%)	17,4	16,4	15,4	14,4	13,4
Khoản thu thuế nhập khẩu (tỷ USD)	10,44	11,8	13,86	16,5888	20,1160
Mức tăng (+), giảm (-) (tỷ USD)	-	+1,36	+2,06	+2,7288	+3,5272

Nguồn: Giả định và tính toán của tác giả

Với kịch bản này, kim ngạch nhập khẩu Việt Nam năm 2011 cao gấp 2,5 lần kim ngạch nhập khẩu năm 2007 và khoản thu từ thuế nhập khẩu tăng tương ứng gần 2,6 lần. Nếu quy đổi ra đồng Việt Nam với tỷ giá 1USD = 16.100 VND thì khoản thu tăng thêm trung bình hàng năm của chính phủ từ thuế nhập khẩu vào khoảng 38.9459 tỷ đồng Việt Nam.

**\* Kịch bản 2: Mức giảm thuế nhập khẩu trung bình ở mức đều 1% và mức tăng kim ngạch nhập khẩu ở mức thấp là 22%, 26%, 30% và 34%**

Sau năm thứ nhất gia nhập WTO, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam là 60 tỷ USD và các năm sau đó kim ngạch này tăng lên tương ứng là 22%, 26%, 30% và 34%. Nghĩa là, càng giảm thuế, kim ngạch

nhập khẩu càng tăng cao và cùng với việc tăng kim ngạch nhập khẩu, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam cũng tăng lên

không chỉ hàng hoá mà còn cả dịch vụ. Nguồn thu của chính phủ có thể thay đổi qua bảng tính toán dưới đây.

Chỉ tiêu	Năm				
	2007	2008	2009	2010	2011
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	60	73,2	92,232	119,9016	160,6681
Mức thuế nhập khẩu trung bình (%)	17,4	16,4	15,4	14,4	13,4
Khoản thu thuế nhập khẩu (tỷ USD)	10,44	12,0048	14,2037	17,2658	21,5295
Mức tăng (+), giảm (-) (tỷ USD)	-	+1,5648	+2,1989	+3,0621	+4,2637

*Nguồn: Giả định và tính toán của tác giả*

Theo kịch bản thứ hai này, trong thời gian giảm thuế theo cam kết trong WTO từ năm 2007 cho đến năm 2011 (thực tế thời gian giảm thuế có thể kéo dài đến năm 2013 nếu lộ trình giảm thuế kéo dài 7 năm), khoản thu thuế nhập khẩu của chính phủ Việt Nam tăng lên đáng kể. Năm 2011, khoản thu này tăng lên khoảng 2,7 lần so với năm đầu tiên giảm thuế. Quả là một bất ngờ lớn và điều này một lần nữa cho thấy lợi ích to lớn của tự

do hoá thương mại cũng như những sự thay đổi đột biến đối với các nền kinh tế mở cửa mạnh trong đó có Việt Nam. Mức thu tăng thêm trung bình hàng năm của thuế nhập khẩu tính theo đồng Việt Nam vào khoảng 44.634 tỷ đồng.

**\* Kịch bản 3: Mức giảm thuế nhập khẩu trung bình ở mức đều 1% và mức tăng kim ngạch nhập khẩu ở mức cao là 26%, 31%, 35% và 41%**

Chỉ tiêu	Năm				
	2007	2008	2009	2010	2011
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	60	75,6	99,036	133,6986	188,515
Mức thuế nhập khẩu trung bình (%)	17,4	16,4	15,4	14,4	13,4
Khoản thu thuế nhập khẩu (tỷ USD)	10,44	12,3984	15,2515	19,2525	25,261
Mức tăng (+), giảm (-) (tỷ USD)	-	+1,9584	+2,8531	+4,001	+6,0085

*Nguồn: Giả định và tính toán của tác giả*

Theo kịch bản này, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam năm 2011 tăng hơn 3 lần so với kim ngạch nhập khẩu năm 2007 và khoản thu thuế nhập khẩu thu được tương ứng tăng hơn 3 lần và nếu quy ra tiền Việt Nam theo tỷ giá giả định trên thì mức thu từ thuế nhập khẩu tăng thêm trung bình hàng năm vào khoảng 59.654 tỷ đồng Việt Nam.

### 3. Kết luận và đề xuất

Việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức WTO là một sự kiện hết sức quan trọng tạo ra những thay đổi lớn về nhiều mặt đối với Việt Nam. Đây là cột

mốc lịch sử khẳng định kết quả của quá trình cải cách và đổi mới kinh tế Việt Nam theo hướng chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và từng bước hội nhập tích cực, chủ động và sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Một trong những tác động đáng chú ý là việc cắt giảm thuế nhập khẩu làm tăng khối lượng và kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam. Mặc dù về hiện tượng, có thể thấy việc làm này trực tiếp làm giảm nguồn thu ngân sách chính phủ về thuế nhập khẩu. Tuy nhiên, có thể nguồn thu thuế này chẳng những không giảm mà còn tăng lên

khá lớn trong dài hạn, mặc dù có thể có những sụt giảm tạm thời vào thời điểm giảm thuế ban đầu do hạn chế của hoạt động tổ chức quản lý nguồn thu. Khoảng thời gian để việc giảm thuế phát huy tác dụng sâu rộng có thể chỉ diễn ra trong một vài tháng nghĩa là độ trễ của các tác động chính sách giảm thuế nhập khẩu sẽ không quá lớn. Vẫn có khả năng rất lớn là việc giảm nhanh thuế nhập khẩu sẽ làm tăng nguồn thu ngân sách chính phủ từ thuế nhập khẩu về một số mặt hàng đang có nhu cầu rất cao trong nước như mặt hàng ô tô chẳng hạn. Đây là những mặt hàng mà cầu nội địa về chúng co giãn rất lớn theo giá cho nên việc giảm giá sẽ dẫn đến tăng cầu hàng nhập khẩu. Việc xác định giá tính thuế nhập khẩu phải phù hợp với thông lệ quốc tế của nền kinh tế thị trường. Vấn đề là để có một nguồn thu tối ưu của chính phủ từ thuế nhập khẩu, cần có biện pháp hợp lý để điều chỉnh cơ cấu nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ và cần tổ chức tốt bộ máy quản lý thuế nhập khẩu để tránh để "lọt lưới" các khoản thuế phải thu. Đây cũng là thời điểm để đẩy mạnh cải cách hệ thống quản lý thu thuế nhập khẩu. Đồng thời, cần phát huy triệt để vai trò của các loại thuế nội địa như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt... Nghĩa là nhìn tổng thể, tổng nguồn

thu của chính phủ có khả năng tăng vọt lên rất lớn. Khi tăng rất lớn nguồn thu từ thuế nhập khẩu, chính sách tiền tệ và tài khoá cần có sự điều chỉnh phù hợp. Sự điều chỉnh này, đến lượt nó, sẽ tạo đà cho sự tăng trưởng tiếp theo của nền kinh tế. Bên cạnh đó, với hàng tiêu dùng giá rẻ, sự đa dạng trong lựa chọn hàng hoá về mẫu mã, chất lượng, kiểu dáng, thương hiệu..., phúc lợi người tiêu dùng tăng lên không ngừng. Các doanh nghiệp và các nhà sản xuất phải đối mặt với một khối lượng hàng hoá và dịch vụ khổng lồ nhập khẩu vào Việt Nam cho nên phải tự khẳng định tính hiệu quả của mình bằng việc tham gia vào cạnh tranh một cách bình đẳng, công bằng và minh bạch trên "sân chơi" toàn cầu và sự bảo hộ càng ngày càng giảm thiểu. Do đó, các doanh nghiệp cần có chiến lược nhập khẩu kịp thời nguyên liệu, máy móc, thiết bị và công nghệ giá rẻ nhất thế giới, tăng tối đa sức cạnh tranh sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp với hàng nhập khẩu cùng với việc tăng cường nghiên cứu thị trường nước ngoài để thúc đẩy xuất khẩu. Tính năng động, sáng tạo và khả năng thích nghi của các doanh nghiệp Việt Nam sẽ tăng lên và động lực cạnh tranh toàn cầu trở thành nguồn động lực to lớn và bền vững thúc đẩy doanh nghiệp nâng cao hiệu quả... và vươn lên không ngừng trong nền kinh tế toàn cầu.

#### Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Đức Bình và Nguyễn Thường Lạng, *Kinh tế quốc tế*, Nhà xuất bản Lao động- Xã hội, 2004
2. Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, *Các cam kết của Việt Nam trong WTO*
3. *Báo chí Trung Quốc đánh giá kết quả 5 năm vào WTO*, Báo Tia Sáng, Số 24, Tháng 12/2006.
4. *Cam kết của Việt Nam trong WTO*, <http://www.mot.gov.vn>

